

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- Cho học sinh bốc thăm một trong các đoạn văn giáo viên đã chuẩn bị sẵn không có trong sách giáo khoa dài khoảng 60 - 70 chữ và đọc thành tiếng (6 điểm), trả lời một câu hỏi trong đoạn đọc đó (1 điểm).

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

CÂY BÀNG

Ngay giữa sân trường, sừng sững một cây bàng.

Mùa đông, cây vươn dài những cành khẳng khiu, trụi lá. Xuân sang, cành trên cành dưới chi chít những lộc non mơn mớn. Hè về, những tán lá xanh um che mát một khoảng sân trường. Thu đến, từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.

Theo Hữu Tưởng

– Học sinh đọc thầm bài Cây bàng (sách Tiếng Việt 1 – tập 2- trang 127) chọn và khoanh vào ý đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: (0,5 điểm) Tìm tiếng trong bài có vần oang?

.....

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm tiếng ngoài bài có vần oang?

.....

Câu 3: (0,5 điểm) Đoạn văn tả cây bàng được trồng ở đâu?

- A. Ngay giữa sân trường
- B. Trồng ở ngoài đường
- C. Trồng ở trong vườn điều
- D. Trên cánh đồng

Câu 4: (0,5 điểm) Xuân sang cây bàng thay đổi như thế nào?

- A. Cây vươn dài những cành khẳng khiu, trụi lá.
- B. Cành trên cành dưới chỉ chít những lộc non mơn mớn.
- C. Từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.
- D. Lá vàng rụng đầy sân.

Câu 5: (1 điểm) Viết câu chứa tiếng có vần oang.

.....

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Chính tả: (7 điểm): Nhìn viết bài “Đi học”

Viết 2 khổ thơ đầu:

Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp

Trường của em be bé

Nằm lặng giữa rừng cây

Cô giáo em tre trẻ

Dạy em hát rất hay.

2. Bài tập (3 điểm)

Bài 1: Điền vào chỗ trống (1 điểm)

Điền vần: ăn hay ăng?

Bé ngắm tr..... Mẹ mang ch.... ra phơi n.....

b) Điền chữ ng hay ngh?

....ông đi trongõ ée mẹ gọi

Câu 2: Nối các từ ở cột A phù hợp với lời giải nghĩa ở cột B: (1 điểm)

A
(a) Trường
(b) Mẹ
(c) Hôm nay
(d) Dạy

B
(1) – dắt tay từng bước.
(2) – của em bé.
(3) – em hát rất hay.
(4) – mẹ lên nường.

Câu 3: Hằng ngày ai đưa em tới trường? (1 điểm)

.....

Đáp án & Thang điểm

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- GV cho HS bốc thăm và kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS.
- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc 1 điểm
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu 2 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ (không đọc sai quá 05 tiếng): 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (khoảng 50 chữ/1 phút): 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) **khoảng**

A. Ngay giữa sân trường

Câu 2: (0,5 điểm) HS tìm được 1 tiếng được 1 điểm: **khoang, loang, toang, xoang.**

Câu 3: (0,5 điểm) B. Cành trên cành dưới chỉ chút những lộc non mơn mớn.

Câu 4: (0,5 điểm) A. Ngay giữa sân trường

Câu 5: (1 điểm)

HS viết được 1 câu được 1 điểm. Nếu không có dấu chấm câu, trừ 0,25 điểm. VD: Em mở toang cửa sổ./ Vết dầu loang trên sân./ Trên khoang thuyền đầy cá. (...)

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả: (7 điểm)

- GV đọc cho HS cả lớp nghe – viết đoạn văn “Đi học”
- Viết đúng kiểu chữ cái kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ.
- Viết đúng các từ ngữ.
- Tốc độ khoảng 30 chữ /15 phút
- Tốc độ đạt yêu cầu: 2 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp: 1 điểm

2. Bài tập (3 điểm)

Bài 1: Điền vào chỗ trống (1 điểm). HS điền mỗi chỗ chấm đúng được 0,25 điểm

Điền vào: ăn hay ăng?

Bé ngắm **trăng** Mẹ mang **chăn** ra phơi **nắng**

b) Điền chữ ng hay ngh?

ngõng đi trong ngõ nghe nghe mẹ gọi

Câu 2: Nối các từ ở cột A phù hợp với lời giải nghĩa ở cột B: (1 điểm)

HS nối mỗi câu đúng được 0,25 điểm:

Trường của em be bé.

Mẹ dắt tay từng bước.

Hôm nay, mẹ lên nương.

Dạy em hát rất hay.

Câu 3: Hằng ngày ai đưa em tới trường? (1 điểm). HS trả lời thành câu được 1 điểm. Nếu thiếu dấu chấm câu, trừ 0,25 điểm.

Hằng ngày, bố (mẹ, ông, bà,...) đưa em đến trường.